

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 5/02/2021

V/v: “Xin ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Hồ Trung Hậu

2/Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 5 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2020/TLST-HN ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1982 (có mặt)

Cư trú: Tổ 3, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995 (có mặt)

Cư trú: Tổ 20, khóm T, thị trấn T, B, Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 02/12/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành M trình bày:

Vào năm 2017 anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H quen biết với nhau và có tìm hiểu trước, được cha mẹ hai bên đồng ý nên tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương. Sau khi cưới xong anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H về chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H sống hạnh phúc được một khoảng thời gian mà vợ chồng không có con chung.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn do

không còn hợp nhau và không hiểu cho nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Thành M yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành M xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại bản khai ngày 15/01/2021 của chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thành M. Vì chị H và anh M đã ly thân nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là nữ trang cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 tấm lắc 09 chỉ, 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, tất cả đều là vàng 24K. Tổng công là 25 chỉ vàng 24K hiện do anh M giữ. Nay chị H yêu cầu chia đôi số vàng 25 chỉ vàng 24K. Chị H và anh M mỗi người được hưởng 12,5 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Đơn xin rút yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc H ngày 22/01/2021 trình bày: Chị H có nộp bản khai ngày 15/01/2021 và theo biên bản hòa giải ngày 21/01/2021 thì chị H yêu cầu chia đôi tài sản chung với anh Nguyễn Thành M với số vàng 25 chỉ vàng 24k chia đôi mỗi người hưởng 12,5 chỉ vàng 24k.

Nay chị H xin rút yêu cầu chia tài sản với anh M theo bản khai ngày 15/01/2021 và theo biên bản hòa giải ngày 21/01/2021 để chị H và anh Nguyễn Thành M tự thỏa thuận.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh M trình bày: Về mâu thuẫn gia đình anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn do không còn hợp nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M yêu cầu những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thành M xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về con chung: Không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của anh M về thời gian kết hôn, con chung, mâu thuẫn gia đình là đúng còn về tài sản chung là số nữ trang cưới là 25 chỉ vàng 24k. Hiện tại là anh M giữ trước đây

chị H yêu cầu chia đôi số vàng 25 chỉ vàng 24K. Chị H và anh M mỗi người được hưởng 12,5 chỉ vàng 24K.

Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H xin rút yêu cầu chia tài sản chung để chị H và anh M Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật” được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn với nhau, không có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh M và chị H mỗi người đều có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Nguyễn Thành M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M xin ly hôn chị H. Xét thấy anh M và chị H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh M và chị H đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Điều 9, 14, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành M. Tuyên bố không công nhận Anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H sống chung với nhau không có con chung nên anh M và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Ngọc H cho rằng vợ chồng có tài sản chung là số nữ trang cưới là 25 chỉ vàng 24k. Hiện tại chị H không giữ mà anh M đang giữ. Chị H yêu cầu chia đôi số nữ trang cưới là 25 chỉ vàng 24k, mỗi người hưởng 12,5 chỉ vàng 24k. Anh Nguyễn Thành M không thừa nhận có giữ số nữ trang cưới là 25 chỉ vàng 24k. Anh M cho rằng chị H giữ hay ai giữ thì anh không biết. Anh Nguyễn Thành M không yêu cầu giải quyết số nữ trang cưới này. Tại

phiên tòa hôm nay chị H xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung để chị H và anh M tự thỏa thuận, không tranh chấp, nên không yêu cầu giải quyết là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc đúng pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Thành M nộp 300.000 đồng, anh M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011777 ngày 22/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 14, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành M.

1/Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H là vợ chồng.

2/Về con chung: không, nên không yêu cầu xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]Về quan hệ tài sản: anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H không tranh chấp, nên không yêu cầu xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thành M nộp 300.000 đồng, anh M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011777 ngày 22/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

[5]Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Án xử công khai có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị Ngọc H biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu